

Bàn về bản chất việc chuyển đổi tổ chức KH&CN và hình thành doanh nghiệp KH&CN

TS NGUYỄN ANH

Nếu Nghị định 35/HĐBT năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng về “Quản lý KH&CN” đã mở cửa cho các hoạt động KH&CN bước vào cơ chế thị trường, thì Nghị định 115/2005/NĐ-CP của Chính phủ “Quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập” và Nghị định 80/2007/NĐ-CP của Chính phủ về “Doanh nghiệp KH&CN” là một bước định hình và cơ cấu lại các hoạt động này. Đó là những dấu mốc và thành tựu quan trọng trong quản lý hoạt động KH&CN ở nước ta. Tuy nhiên, làm sao để KH&CN trở thành nguồn lực mạnh mẽ phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện cụ thể của Việt Nam vẫn là vấn đề tiếp tục phải làm sáng tỏ.

Giai đoạn khởi đầu, hoạt động *nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ* (sau đây gọi tắt là nghiên cứu) được triển khai trong bối cảnh nền sản xuất bao cấp, yếu kém và lạc hậu, chưa có nhu cầu đáng kể về các sản phẩm nghiên cứu. Khi đó các tổ chức và đội ngũ nghiên cứu còn non trẻ và được bao cấp hoàn toàn với nguồn lực rất hạn hẹp. Hoạt động nghiên cứu trong giai đoạn này chủ yếu mang sứ mệnh đào tạo và mở đường.

Vào thời kỳ đổi mới, cơ chế thị trường tác động làm thay đổi nhiều mặt của nền sản xuất. Mặc dù chậm trễ, cánh cửa cho khoa học cuối cùng cũng được mở bằng Nghị định 35/HĐBT. Trong giai đoạn này, các tổ chức và đội ngũ người làm nghiên cứu đã có bước trưởng thành, với năng lực tạo ra những sản phẩm nhất định. Tuy nhiên, thị trường các sản phẩm nghiên cứu chưa hình thành rõ rệt và tồn tại khoảng cách khá lớn giữa khoa học và sản xuất. Chính Nghị định 35/HĐBT đã cho phép khoa học chủ động tìm tới sản xuất bằng cách “coi nói” quyền hạn của các tổ chức nghiên cứu, hình thành các “đơn vị

35” (có nơi còn gọi là “doanh nghiệp 35”) và tạo cơ chế để tự trang trải một phần kinh phí nghiên cứu.

Trong vòng hơn một thập kỷ trở lại đây, được tác động tích cực bởi những chính sách đổi mới, cả khoa học và sản xuất đều có những bước phát triển quan trọng. Các sản phẩm nghiên cứu ngày càng đa dạng và có giá trị cao hơn. Thị trường các sản phẩm nghiên cứu ngày càng hình thành rõ nét và có vai trò lớn hơn. Các tổ chức nghiên cứu và các doanh nghiệp gia tăng sự hiểu biết lẫn nhau và tự thấy cần nhau hơn. Tuy nhiên, cũng bắt đầu giai đoạn mà sản xuất đòi hỏi ngày càng khắt khe về chất lượng các sản phẩm nghiên cứu, phải đủ sức để cạnh tranh ngay ở trong nước và với nước ngoài. Đồng thời, các sản phẩm nghiên cứu phải đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất lớn toàn xã hội chứ không phải chỉ để ứng dụng trong các dây chuyền sản xuất nhỏ theo giải pháp tình thế kiểu “đơn vị 35”. Nếu tạo ra được các sản phẩm như vậy thì các tổ chức nghiên cứu mới có cơ trụ vững và phát triển.

Nghị định 115/2005/NĐ-CP định hình 2 hình thức tự chủ của các tổ chức khoa học công lập là *tổ chức*

KH&CN tự trang trải kinh phí và doanh nghiệp KH&CN. Đường nhiên, có thể hiểu rằng, vẫn tồn tại một số tổ chức nghiên cứu công lập được Nhà nước cấp hoàn toàn kinh phí và không thể bỏ qua các tổ chức nghiên cứu tư nhân đang có xu hướng phát triển.

Không phụ thuộc vào hình thức sở hữu, phương thức quản lý và chế độ tài chính, các tổ chức nghiên cứu được thừa nhận chủ yếu bởi các sản phẩm nghiên cứu của mình. Vị thế của họ trước hết và chủ yếu nằm trong các sản phẩm này. Về phần mình, giá trị các sản phẩm nghiên cứu lại được khẳng định bởi mức độ đóng góp của chúng vào phát triển kinh tế - xã hội, mà cốt lõi là phát triển sản xuất.

Các sản phẩm nghiên cứu chính là kết quả của quá trình sáng tạo khoa học (đề xuất lý thuyết mới, sáng chế - giải pháp hữu ích...). Những sản phẩm này thường chỉ được tạo ra một lần, đơn chiếc, đa dạng, đòi hỏi nhiều chi phí và có độ rủi ro rất cao. Do đó, phương thức hoạt động và quản lý trong các tổ chức nghiên cứu (nơi cho ra các sản phẩm nghiên cứu) hoàn toàn khác phương thức hoạt động và quản lý trong các doanh nghiệp (nơi sản xuất hàng loạt và lặp lại các sản

phẩm), cho dù doanh nghiệp đó ứng dụng công nghệ cao, có thể được điều hành hoàn toàn bởi các nhà khoa học hoặc cho ra các sản phẩm có hàm lượng khoa học cao.

Theo Nghị định 80/2007/NĐ-CP, doanh nghiệp KH&CN có chức năng *“thực hiện sản xuất, kinh doanh các loại sản phẩm hàng hoá hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và thực hiện các nhiệm vụ KH&CN. Ngoài các hoạt động này, doanh nghiệp KH&CN có thể thực hiện sản xuất, kinh doanh các loại sản phẩm hàng hoá khác và thực hiện các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật”*. Có thể hiểu doanh nghiệp KH&CN ở đây dường như là sự “nâng cấp đơn vị 35” và là một giải pháp để cơ cấu và sàng lọc lại hệ thống các tổ chức nghiên cứu và dịch vụ khoa học. Đã có một số trường hợp chuyển đổi thành công: doanh nghiệp được chuyển đổi thừa hưởng kết quả nghiên cứu và đội ngũ chuyên gia của tổ chức nghiên cứu cũ, đứng vững và phát triển tốt trong thị trường. Tuy nhiên, cũng cần nhìn nhận một vài thực tế sau đây:

- Mỗi doanh nghiệp tồn tại và phát triển chủ yếu trên cơ sở đáp ứng nhu cầu về loại sản phẩm nào đó của thị trường và phải tuân thủ các quy luật khắc nghiệt của thị trường. Nhiều khi mong muốn chủ quan về *“triển khai ứng dụng các kết quả KH&CN vào sản xuất”* chưa đủ cơ sở chắc chắn bảo đảm tính hiệu quả của doanh nghiệp. Do vậy, không dễ gì kêu gọi đầu tư cho những dự án như vậy.

- Các doanh nghiệp KH&CN sẽ khó mà cáng đáng nổi vai trò *“đẩy mạnh thương mại hoá các sản phẩm hàng hoá là kết quả của hoạt động KH&CN”* cũng như *“phát triển thị trường công nghệ”*. Chỉ nên sản xuất lớn toàn xã hội mới đủ sức làm được việc này.

- Chuyển đổi từ tổ chức nghiên cứu, doanh nghiệp KH&CN thường có quy mô nhỏ, đầu tư hạn chế và chấp vá,



Hoạt động nghiên cứu của các doanh nghiệp đang ngày càng được chú trọng

ít kinh nghiệm sản xuất. Sau thời gian chuyển đổi, không ít doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, có khi phải thay đổi sản phẩm, thậm chí thoát hẳn sản xuất để đơn thuần làm thương mại và dịch vụ. Như vậy, mục tiêu *“triển khai ứng dụng các kết quả KH&CN vào sản xuất”* cũng phai mờ dần.

- Sự ưu đãi cho các doanh nghiệp KH&CN là cần thiết, nhưng luôn có mặt trái trong ứng dụng thực tế. Sẽ thực chất hơn nếu chính sách này mở rộng và hướng tới đối tượng trực tiếp là các quá trình *“triển khai ứng dụng các kết quả KH&CN vào sản xuất”* có chọn lọc theo mức độ hiệu quả kinh tế - xã hội, không phụ thuộc vào loại hình doanh nghiệp.

Có thể khẳng định, các tổ chức nghiên cứu và sự liên kết thị trường giữa các tổ chức này với nền sản xuất lớn toàn xã hội mới là yếu tố quyết định làm cho khoa học trở thành nguồn lực hàng đầu phát triển kinh tế - xã hội. Đó phải là trung tâm của đổi mới và hợp lý hóa theo quy luật thị trường. Trước hết, cần nghiên cứu và định vị đúng các tổ chức nghiên cứu trong mối quan hệ với các doanh nghiệp, bao gồm cả các doanh nghiệp KH&CN (thực tế chỉ là một phần nhỏ).

Những mô hình thường thấy là:

- Tổ chức nghiên cứu thuần túy (chỉ cho ra sản phẩm nghiên cứu) là chủ thể tương tác bình đẳng với các tổ chức nghiên cứu khác và với các doanh nghiệp, bao gồm cả các doanh nghiệp KH&CN.

- Tổ chức nghiên cứu là thành viên trực thuộc doanh nghiệp (thường là các tập đoàn kinh tế lớn). Ở đây, tổ chức nghiên cứu là chủ thể tương tác

bình đẳng với các doanh nghiệp thành viên khác trong tập đoàn (trong đó có thể có các doanh nghiệp KH&CN), đồng thời vẫn có thể là chủ thể tương tác với các tổ chức nghiên cứu và doanh nghiệp ngoài tập đoàn.

- Tổ chức nghiên cứu (loại có quy mô lớn, thường đa ngành) bao gồm các tổ chức nghiên cứu thành viên và cả một số thành viên là doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp KH&CN.

Theo người viết bài này, trong điều kiện cụ thể ở Việt Nam hiện nay, mô hình thứ nhất và thứ hai phù hợp và nên ứng dụng nhiều hơn.

Cho dù phải tự trang trải hay được Nhà nước cấp kinh phí, hoạt động nghiên cứu nói chung và mỗi đề tài nghiên cứu nói riêng đều phải đối mặt với bài toán sống còn về hiệu quả kinh tế - xã hội. Vấn đề cốt lõi là bài toán đó được xem xét ở tầm nào và được tính toán thực tế tới đâu. Trao quyền tự chủ cho các tổ chức nghiên cứu sẽ làm cho bài toán nêu trên được giải một cách có trách nhiệm *“thiết thân”* ở tầm cơ sở.

Tuy nhiên, do tính chất đặc thù của công tác nghiên cứu, cho nên tổ chức nghiên cứu tự trang trải nào cũng vẫn cần được Nhà nước tiếp sức. Đồng thời, các tổ chức nghiên cứu được Nhà nước cấp hoàn toàn kinh phí vẫn có thể khai thác những cơ hội thị trường. Bảo đảm sự công bằng và đúng đắn trong thực tế sinh động nêu trên cũng là một phần của bài toán về hiệu quả kinh tế - xã hội, nhưng chỉ có thể được giải ở tầm vĩ mô ■